ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký đất đai tại thôn Khe Ca, xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn

(Kèm theo thông báo số: 370 /TB-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Thái Bình)

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (m^2)	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Hoàng Văn Phú	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	539	78	304,00	1990	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1990	Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	179	372,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	224	516,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	225	170,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	539	54	292,0	1990	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	539	77	216,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
2	Hà Văn Thành	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	525	320	185,0	1989	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
3	Hoàng Văn Lý	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	88	53,0	1991	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	89	111,0	1991	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	26	215,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	82	160,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
4	Hoàng Văn Năm	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	67	232,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	83	135,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	284	118,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	531	55	301,0	1991	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1991	Không có tranh chấp	
5	Hoàng Văn Đạo	Thôn Khe Ca, xã Thái	Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	107	498,0	2003	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	108	307,0	2003	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	109	314,0	2003	Tự khai phá	Đất nuôi trồng thủy sản		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	92	73,0	2003	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

5	Hoàng Văn Đạo	Bình	Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	93	88,0	2003	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	94	115,0	2003	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	39	166,0	2003	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	46	525,0	2003	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
6	Ngô Văn Phùng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình		517	30	425,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				517	36	188,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				517	42	172,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				517	44	95,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				517	50	188,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				517	51	231,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	27	88,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	28	111,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	29	239,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	54	37,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	75	307,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	76	188,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	77	343,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				524	9	147,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	108	162,0	1995	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
				525	154	421,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	202	884,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	216	140,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	233	690,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	286	766,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	296	126,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	297	111,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	386	1.861,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
				525	387	113,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	389	910,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	

				525	410	185,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	420	226,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	432	411,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	433	373,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
				525	434	278,0	1995	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1995	Không có tranh chấp	
				525	460	405,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
				525	461	82,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	483	92,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	484	223,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	64	308,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	69	129,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	70	157,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				525	78	150,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				531	27	88,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				531	28	164,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
				531	48	372,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
7	Hoàng Văn Đại	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	255	485,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	120	49,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	146	64,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	147	57,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	148	63,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	149	106,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	254	338,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
8	Đặng Văn Thắng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	285	25	80,0	1992	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
9	Đặng Văn Dòi	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	282	32	87,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	282	33	325,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	282	34	377,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	282	35	137,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

			Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	282	36	299,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
10	Nguyễn Văn Tìn	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	66	186,0	1997	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	67	125,0	1997	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
11	Hoàng Văn Đồng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	27	89,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	28	111,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	29	68,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	30	138,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	37	254,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	38	274,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pàn Pha - Thôn Khe Ca	534	43	1.041,0	1990	Tự khai phá	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
12	Trần Văn Chướng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Mạch - thôn Khe Ca	525	105	76,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	122	167,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	138	268,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	139	219,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Làu - thôn Khe Ca	539	138	131,0	1987	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	43	556,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	45	219,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	65	297,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
13	Hà Văn Chau	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	28	64,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	29	89,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	30	165,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	31	91,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	33	216,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	46	497,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Làu - thôn Khe Ca	539	178	94,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	539	238	2.336,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	

			Thôn Khe Ca	539	262	443,0	1997	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	539	269	1.916,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	50	92,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
14	Hoàng Văn Minh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	181	293,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	184	514,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mìn - thôn Khe Ca	525	23	572,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mìn - thôn Khe Ca	525	24	148,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	327	318,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	355	1.204,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	366	165,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	388	273,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	97	102,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Nhạn - thôn Khe Ca	524	20	92,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	105	915,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	81	101,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	83	264,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	84	119,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	85	133,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	93	378,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	94	31,0	1983	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
15	Dương Chống Minh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	16	71,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	17	356,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	5	157,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	6	101,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	62	434,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	7	89,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

16	Tô Hồng Chất	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	63	219,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	47	415,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	54	1.003,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	71	122,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
17	Ngô Văn Năm	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	50	204,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	52	347,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	53	240,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	74	225,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tồng Ca - thôn Khe Ca	525	383	126,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Đình - thôn Khe Ca	531	211	307,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	85	373,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
18	La Văn Sáng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	102	58,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	112	241,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	113	131,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	114	207,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	115	134,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	123	110,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	124	286,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	125	181,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	131	55,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	132	44,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	133	101,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	134	66,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	63	52,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	64	77,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	65	108,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

19	La Văn Tằng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	85	254,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	86	219,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	95	45,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	96	118,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	77	260,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	221	187,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	222	85,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	225	314,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	226	282,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	243	205,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	244	57,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	245	114,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	246	41,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	539	254	631,0	1998	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1998	Không có tranh chấp	
20	Tô Hồng Cao	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	129	368,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	130	342,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	131	97,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	313	151	225,0	1998	Tự khai phá	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Sâm - Thôn Khe Ca	313	162	135,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	166	424,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	313	172	164,0	1998	Tự khai phá	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	75	188,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	81	83,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	82	210,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	90	191,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	31	184,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	23	497,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	341	579,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	367	156,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
21	Ngô Văn Sam	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	42	186,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	43	487,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	45	99,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	48	49,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	49	416,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	50	275,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	51	246,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	52	128,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	55	93,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	56	245,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lọ Bồi - Thôn Khe Ca	543	60	398,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
22	La Văn Thuỷ	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	38	801,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	46	495,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	47	300,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	48	287,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	122	249,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	168	398,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	223	536,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	244	176,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	265	660,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	291	154,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pàn Pha - thôn Khe Ca	525	67	1.074,0	2001	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	531	150	260,0	2001	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	161	15,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	162	39,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	163	146,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	531	164	390,0	2001	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	182	224,0	2001	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	531	183	74,0	2001	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Đình - thôn Khe Ca	532	51	274,0	2001	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	

			Thôn Khe Ca	531	197	104,0	2001	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	2001	Không có tranh chấp	
23	Bế Văn Tuấn	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Chả - thôn Khe Ca	525	104	99,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đông Thó - thôn Khe Ca	540	29	381,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	317	324,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
24	La Văn Hùng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	391	539,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	63	188,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	193	167,0	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	194	113,0	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	209	177,0	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	224	142,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	227	249,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	241	275,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	138	117,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	140	141,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	141	138,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
25	Hoàng Văn Lợi	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	53	420,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	14	145,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	34	152,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	55	474,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pàn Pha - Thôn Khe Ca	534	52	268,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
26	Trần Thị Quý	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Sâm - Thôn Khe Ca	313	138	162,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Sâm - Thôn Khe Ca	313	141	472,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Sâm - Thôn Khe Ca	313	158	51,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Sâm - Thôn Khe Ca	313	159	113,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Sâm - Thôn Khe Ca	313	161	12,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	52	157,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	54	88,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	69	302,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	71	577,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	80	277,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	95	337,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	28	108,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	38	105,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	39	40,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	533	4	5.152,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	40	811,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	41	230,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	533	23	459,0	1985	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1985	Không có tranh chấp	
27	Hoàng Văn Phóng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Chả - thôn Khe Ca	525	159	207,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	281	296,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	463	387,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Làu - thôn Khe Ca	525	201	281,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
28	Hà Văn Sinh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	113	619,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	347	543,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	114	153,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	62	503,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	216	361,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
29	Triệu Sinh Tài	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	29	250,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	30	111,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	33	227,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	34	189,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	35	122,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	40	128,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	41	340,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	42	376,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	44	249,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	542	46	222,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	1	362,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	3	436,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
30	Lương Thị Choi	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	464	305,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	207	116,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	208	332,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	223	203,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
31	Đặng Hiệu Minh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	283	118	531,0	1997	Tự khai phá	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	17	1.916,0	1997	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	34	101,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	6	299,0	1997	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	106	728,0	1997	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	110	18,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	26	502,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	30	459,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	32	306,0	1997	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
32	Đặng Văn Quang	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	283	87	287,0	1986	Tự khai phá	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	57	200,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	68	482,0	1986	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1986	Không có tranh chấp	
33	Tô Hồng Cường	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	64	86,0	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	65	187,0	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	68	89,0	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	77	44,0	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	89	189,0	1983	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Mạy Mần - Thôn Khe Ca	527	108	649,0	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	42	428,0	1983	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
34	Hoàng Văn Dương	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	117	60,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	141	138,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	142	99,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	144	82,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	98	307,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	209	336,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	349	225,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	350	223,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	351	264,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	352	159,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	21	310,0	1995	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	

			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	22	738,0	1995	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	37	261,0	1995	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	38	204,0	1995	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
35	Đặng Hiệu Hiển	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	283	50	6.391,0	1988	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	283	51	3.923,0	1988	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	131	1.720,0	1988	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	132	5.778,0	1988	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	75	148,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	83	4.118,0	1988	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	87	46,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	87	218,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
36	Đặng Hiệu Quan	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	283	105	3.495,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
37	Bế Văn Quyền	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Cốc Khung - thôn Khe Ca	525	116	692,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	163	331,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Đình - thôn Khe Ca	531	215	765,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca - thôn	539	11	129,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	14	185,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đông Thó - thôn Khe Ca	540	25	174,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đông Thó - thôn Khe Ca	540	49	306,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đông Thó - thôn Khe Ca	540	68	176,0	1982	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
38	Trần Văn Minh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	146	575,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	1	72,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	10	244,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	11	157,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	12	293,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	13	222,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	14	216,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	15	151,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	2	131,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	3	49,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	4	217,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	5	113,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	6	38,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cúc Lùng - Thôn Khe Ca	534	9	326,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
39	Trần Văn Ngò	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	395	314,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	87	626,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
40	Đặng Hiệu Thắng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	284	102	803,0	1993	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1993	Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	20	93,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	284	27	104,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	268	124,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
41	Hoàng Văn Phan	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Trang - thôn Khe Ca	525	340	326,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tằm - thôn Khe Ca	532	91	451,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tằm - thôn Khe Ca	532	94	123,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	33	89,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	44	372,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	10	42,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	11	27,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	18	132,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	19	90,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	29	97,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	30	194,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	31	125,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	55	292,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
42	Hoàng Văn Tạ (Nông)	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	84	310,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tồng Ca - thôn Khe Ca	525	236	193,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	485	583,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	95	113,0	2001	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
43	Ngô Văn Dương	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Tồng Ca - thôn Khe Ca	525	177	232,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tồng Ca - thôn Khe Ca	525	235	1.034,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
44	Hoàng Thị Kiều	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	369	577,0	1984	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	76	315,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	286	19	77,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

45	Đặng Hiệu Quý	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	288	2	125,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	288	3	299,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	288	4	209,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	288	5	198,0	1989	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
46	Hoàng Văn Tạ	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	48	129,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	50	120,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	59	475,0	1987	Nhận tặng cho	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	16	221,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	32	397,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pàn Pha - Thôn Khe Ca	534	56	244,0	1987	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
47	Khúc Thị Quý	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Tằm - thôn Khe Ca	532	78	72,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	13	54,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
48	Bùi Văn Nàm	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	126	171,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
49	Bế Phúc Lợi	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Pản Trang - thôn Khe Ca	532	121	263,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	132	899,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đông Thó - thôn Khe Ca	540	52	597,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
50	Hoàng Văn Làu	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	87	166,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	97	115,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	276	520,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	302	155,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	378	316,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sai Mương - thôn Khe Ca	531	122	133,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
51	Hoàng Thị Thức	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	100	123,0	1996	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	115	429,0	1996	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	99	380,0	1996	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pàn Pha - Thôn Khe Ca	534	41	247,0	1996	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
52	Trần Văn Vòong	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	112	377,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	186	210,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	253	669,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	282	60,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

			Tồng Ca - thôn Khe Ca	525	283	70,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	438	313,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	88	274,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
53	Triệu Thị Múi	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	10	124,0	2002	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	15	546,0	2002	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	17	4.004,0	2002	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	19	1.541,0	2002	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	21	498,0	2002	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	2002	Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	22	57,0	2002	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	23	200,0	2002	Tự khai phá	Đất nuôi trồng thủy sản		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	27	1.652,0	2002	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	28	186,0	2002	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	3	111,0	2002	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	5	184,0	2002	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	6	185,0	2002	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	9	3.655,0	2002	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
54	Hoàng Văn Vinh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	thôn Lâm Ca	484	42	400,0	1999	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1999	Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	242	563,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	96	156,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	161	130,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	163	155,0	1999	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	106	347,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
55	Ngô Văn Sáng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Chả - thôn Khe Ca	525	185	305,0	1980	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tồng Ca - thôn Khe Ca	525	301	670,0	1980	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	207	779,0	1980	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tằm - thôn Khe Ca	532	93	343,0	1980	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả, thôn Khe Ca	525	121	80,0	1980	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả, thôn Khe Ca	525	238	188,0	1980	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
56	Dương Văn Minh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	518	26	310,0	2006	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	2006	Không có tranh chấp	
			Mạy Khoang - Thôn Khe Ca	527	65	902,0	2006	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Chuồng Trâu-Thôn Khe Ca	518	2	1.130,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	

57	Triệu Văn Minh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	518	31	236,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất ở tại nông thôn	2010	Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	10	136,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	18	127,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	19	89,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	20	806,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	36	102,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	8	427,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kin Gia - Thôn Khe Ca	543	9	614,0	2010	Nhận chuyển nhượng	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
58	Hoàng Văn Tằng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Trang - thôn Khe Ca	525	288	249,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Làu - thôn Khe Ca	539	181	154,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Làu - thôn Khe Ca	539	182	148,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Làu - thôn Khe Ca	539	202	115,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
59	Trần Thị Liên	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	348	338,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	40	66,0	1999	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	41	227,0	1999	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	42	198,0	1999	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	63	114,0	1999	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	64	114,0	1999	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	32	45,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	56	366,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	57	136,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	58	108,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	59	70,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	60	121,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
60	Hoàng Văn Anh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	106	90,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	108	22,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	38	71,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	208	204,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	353	324,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Tàn - thôn Khe Ca	517	88	300,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lầm Nao - thôn Khe Ca	524	182	133,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

61	Hoàng Văn Lương	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Lầm Nao - thôn Khe Ca	524	186	181,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	384	100,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
62	La Văn Hà	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	138	319,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Mạch - thôn Khe Ca	525	106	155,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	151	136,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	211	725,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	243	225,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	245	286,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	266	771,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	117	385,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	91	256,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	92	226,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	93	248,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	94	167,0	1999	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
63	Hoàng Văn Thư	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Sai Mương - thôn Khe Ca	531	121	171,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại			
			Cốc Nhạn - thôn Khe Ca	524	16	152,0	1986	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
64	La Văn Hải	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	30	393,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	48	378,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	72	110,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	73	223,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	74	55,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	75	180,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	76	106,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	77	128,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	78	245,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	88	313,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	89	417,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	90	46,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
65	Phòng Thị Phương	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Mạch - thôn Khe Ca	525	107	56,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	370	799,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	531	71	279,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	

66	Bế Văn Hoàng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Chả - thôn Khe Ca	525	124	265,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	261	527,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	262	261,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	339	264,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	437	640,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	60	284,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	61	245,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	71	192,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	72	73,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	107	250,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	118	410,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
67	Trần Văn Lưu	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	111	320,0	1994	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	413	333,0	1994	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
68	Đặng Văn Điền	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	282	67	698,0	1990	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	282	72	640,0	1990	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	283	2	157,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	283	49	119,0	1990	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	283	96	454,0	1990	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1990	Không có tranh chấp	
69	Trần Văn Hà	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Trang - thôn Khe Ca	525	289	620,0	1985	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sai Mương - thôn Khe Ca	531	47	50,0	1985	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
70	Hoàng Thị Thắng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	70	37,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Nhạn - thôn Khe Ca	524	73	553,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lầm Nao - thôn Khe Ca	525	419	330,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sai Mương - thôn Khe Ca	531	105	579,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	35	542,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	36	267,0	1988	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	58	512,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	61	517,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	62	234,0	1988	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	36	158,0	1988	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	313	118	1.145,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	

71	Trần Thị Lộc	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	313	119	397,0	1987	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn	1987	Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	147	338,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Sâm - Thôn Khe Ca	313	160	273,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	167	161,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	168	182,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	169	516,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Pàn - Thôn Khe Ca	313	56	558,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	83	142,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lấm - Thôn Khe Ca	313	98	334,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	33	180,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Cải - Thôn Khe Ca	533	46	894,0	1987	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
72	Vương Văn Hùng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	120	100,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Khung - thôn Khe Ca	525	149	271,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	153	214,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Lẹng - thôn Khe Ca	525	175	577,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	180	434,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Khung - thôn Khe Ca	525	210	414,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	321	542,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	322	355,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	345	107,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Đình - thôn Khe Ca	531	200	401,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
73	Trần Văn Cam	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	102	388,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	89	616,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	246	59,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	247	134,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tổng Ca - thôn Khe Ca	525	258	309,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mười - thôn Khe Ca	525	412	220,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
74	La Văn Hoàng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Chả - thôn Khe Ca	525	126	173,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	139	184,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	160	112,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	162	247,0	1991	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

75	Hoàng Văn Cun	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Trang - thôn Khe Ca	525	198	151,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	226	206,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tằm - thôn Khe Ca	532	106	309,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	123	147,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pản Trang - thôn Khe Ca	532	124	261,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	31	458,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	32	106,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
76	Hoàng Văn Báo	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Chả - thôn Khe Ca	525	80	254,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	531	159	409,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
77	Vương Văn Năm	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Chả - thôn Khe Ca	525	125	260,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Tồng Ca - thôn Khe Ca	525	234	531,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lầm Nao - thôn Khe Ca	525	401	333,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Lầm Nao - thôn Khe Ca	525	402	279,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tằm - thôn Khe Ca	532	76	183,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Tằm - thôn Khe Ca	532	92	718,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	53	120,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	61	284,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	62	463,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
78	Dương Văn Sinh	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Pắc Cáp - thôn Khe Ca	539	91	279,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	540	109	162,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đông Thó - thôn Khe Ca	540	26	203,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	25	208,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Sắn Phà - thôn Khe Ca	541	33	146,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
79	Loan Văn Là	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	116	129,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	140	82,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	94	418,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Cốc Mìn - thôn Khe Ca	525	14	542,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Mạch - thôn Khe Ca	525	189	190,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Trang - thôn Khe Ca	525	316	428,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Chả - thôn Khe Ca	525	59	259,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tắng - thôn Khe Ca	530	45	138,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

			Nà Tắng - thôn Khe Ca	530	46	158,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tắng - thôn Khe Ca	530	47	136,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Tắng - thôn Khe Ca	530	48	182,0	1985	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
80	La Văn Phùng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	525	213	229,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	531	210	463,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	532	80	288,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	539	228	443,0	1986	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	40	462,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	49	197,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	50	299,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	51	369,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
81	Bế Phúc Thắng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	525	73	471,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
82	Dương Trung Tiến	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Ké Hịu - Thôn Khe Ca	518	71	178,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu - Thôn Khe Ca	518	72	551,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu - Thôn Khe Ca	518	73	438,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu - Thôn Khe Ca	518	74	227,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu - Thôn Khe Ca	518	75	334,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu - Thôn Khe Ca	518	78	253,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu-Thôn Khe Ca	526	19	363,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu-Thôn Khe Ca	526	24	71,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	13	381,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	16	223,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	21	283,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu-Thôn Khe Ca	527	3	215,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu-Thôn Khe Ca	527	4	198,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	5	191,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	6	266,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	7	525,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	518	63	404,0	1988	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	100	22,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	198	274,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

83	Đặng Hiệu Hình	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	285	267	154,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	80	28,0	1990	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	81	40,0	1990	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
84	Đặng Văn Học	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	283	115	362,0	1998	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	283	116	4.297,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng cây lâu năm		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	23	334,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	238	1.507,0	1998	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	239	534,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	240	165,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	241	138,0	1998	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
85	Đặng Hiệu Kim	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	284	23	3.014,0	2003	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	189	790,0	2003	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
86	Đặng Văn Lâm	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	283	117	975,0	1995	Tự khai phá	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	283	119	592,0	1995	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
87	Dương Trung Thành	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Nà Ké Hịu - Thôn Khe Ca	518	79	1.180,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu-Thôn Khe Ca	526	3	1.030,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Ké Hịu-Thôn Khe Ca	526	7	686,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	17	661,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	8	816,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Mạy Mù - Thôn Khe Ca	527	9	593,0	1993	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
88	Ngô Văn Thàm	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	78	255,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	92	172,0	1988	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
89	Triệu Nho Vượng	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Thôn Khe Ca	282	63	752,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	12	321,0	1990	Tự khai phá	Đất ở tại nông thôn		Không có tranh chấp	
			Thôn Khe Ca	285	129	465,0	1990	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	136	96,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	137	227,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	31	83,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	34	60,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	57	197,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	58	48,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	

90	La Văn Quân	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	79	200,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	80	315,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	81	415,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Đồng Ké Đáy - thôn Khe Ca	524	93	271,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Kéo Khư - thôn Khe Ca	525	449	66,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	166	378,0	1984	Nhận tặng cho	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Nà Mò - thôn Khe Ca	531	180	817,0	1984	Nhận tặng cho	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
91	La Văn Thuần	Thôn Khe Ca, xã Thái Bình	Phai Tói - thôn Khe Ca	539	122	571,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	123	635,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	142	219,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	144	291,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	146	637,0	1986	Tự khai phá	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	168	391,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	169	453,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	187	97,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	188	243,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	189	103,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	190	126,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	191	116,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	192	207,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
			Phai Tói - thôn Khe Ca	539	205	90,0	1986	Tự khai phá	Đất trồng lúa còn lại		Không có tranh chấp	
Tổng 91 hộ, 109 hồ sơ, 667 thửa						239.763,0						

Danh sách này được công khai trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày 28/10/2026 đến ngày 13/11/2026 tại địa điểm: nhà văn hóa thôn Khe Ca và trụ sở UBND xã Thái Bình Người không đồng ý với kết quả thẩm tra trên đây thì gửi đơn đến UBND xã Thái Bình để được giải quyết. Sau thời gian trên Nhà nước sẽ không xem xét, giải quyết./.

Thái Bình, ngày 28 tháng 10 năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Toại